

CHU VĂN AN (1292 – 1370)

Con người & Thời đại

Nguyễn Duy Chính

*Trần văn thử hà thời, dục vịnh đại phi hiền giả lạc
Phượng sơn tôn ẩn xứ, trĩ lưu trường ngưỡng triết nhân phong*
(Cuối đời Trần là thời nào, ngâm vịnh rong chơi
há chẳng phải là cái thú vui của bậc hiền giả?
Núi Phượng vẫn còn dấu vết ở ẩn,
đỉnh non vẫn mãi mãi ngưỡng mộ phong thái của kẻ triết nhân)

Câu đối thờ Chu An

Hon 600 năm trước, nhà Nho Chu An (朱安)⁽¹⁾ đã một thời làm rạng danh cho giai cấp sĩ phu, nêu cao khí tiết và thể hiện tinh thần chính trực uy vũ bất năng khuất. Trong khi chính sự suy đồi, tình thế nhiễu nhương, ông đã hiên ngang dâng sớ xin chém bảy kẻ nịnh thần, và khảng khái từ quan khi không được nhà vua chấp thuận. Ông trở về thiết trường dạy học, mang cái phong vị “giày cỏ, vớ gai” để truyền bá đạo lý thánh hiền.

Thân thế

Chu An tự là Linh Triệt, hiệu Tiều Ẩn 樵隱, người làng Quang Liệt 光烈, huyện Thanh Đàm 淸潭 (nay là Thanh Trì 靑池), tỉnh Hà Đông. Sứ sách không chép ông sinh năm nào, chỉ biết ông mất năm Canh Tuất (1370), Thiệu Khánh nguyên niên đời Trần Nghệ Tông. Theo thần tích đình làng Thanh Liệt, nơi thờ ông làm Thành Hoàng; thì ông sinh năm Nhâm Thìn (1292). Như vậy ông thọ 79 tuổi. Ông đỗ Thái học sinh (tức tiến sĩ) nhưng không ra làm quan mà ở tại quê nhà. Ông tính ưa đọc sách, dựng một ngôi nhà ở sườn đồi, cạnh bờ đầm vừa làm

thư viện, vừa làm trường lại là nơi soạn sách.

Theo thiên *Văn Trinh ngành trực* (文貞鯁直) trong *Nam ông mộng lục* (南翁夢錄) thì ông “tính liêm khiết, cương trực, ở nhà thì hết lòng học hành, học vấn tinh thông tiếng tâm lũng lầy xa gần”. (...性廉直剛介, 居家篤好讀書, 學業精醇, 名聞遠近)²

Cứ theo sử cũ, thời Trần nước ta có bốn học hiệu, có thể coi như bốn đại học quốc gia, gồm học hiệu Trần Ích Tắc, học hiệu Thiên Trường, thư viện Lạn Kha và học hiệu Cung Hoàng của Chu An. Cứ theo phỏng đoán, thư viện Lạn Kha trong núi Phật Tích có lẽ thiên về Thiên tông vì do triều đình thiết lập; học hiệu Trần Ích Tắc dành cho vương tôn công tử và tôn thất nhà Trần; chỉ có hai học hiệu Thiên Trường và Cung Hoàng mới thực sự là của dân gian.

Tác phẩm

Chu An là một danh nho, từng sáng tác nhiều sách vở trong đó có *Tứ thư thuyết ước* (四書說約), *Tiêu Ẩn thi tập* (樵隱詩集) và *Quốc ngữ thi tập* (國語詩集) nhưng đều bị người Trung Hoa thời Minh thuộc tịch thu đem về

Kim Lăng cả. Ông còn soạn một cuốn sách thuốc có tên là *Y học yếu giải tập chu di biên*.

Cho đến nay, người ta chỉ mới tìm thấy 12 bài thơ của Chu An chép trong *Toàn Việt thi lục* liệt kê sau đây³⁾:

Nguyệt tịch bộ Tiên Du sơn tùng kính (月夕步仙遊山松徑) Đêm trăng dạo bước trên đường thông ở núi Tiên Du.

Đề Dương công Thủy Hoa Đình (題楊公水華亭) Đề đình Thủy Hoa của ông họ Dương.

Linh Sơn tạp hứng (靈山雜興) Tạp hứng ở núi Chí Linh.

Thôn Nam sơn tiểu khế (村南山小憩) Tạm nghỉ ở núi Thôn Nam.

Cung họa ngự chế động chương (恭和御制洞章) Họa lại bài thơ vua làm tại trong động.

Thanh Lương giang (靑涼江) Sông Thanh Lương.

Thứ vận tặng Thủy Vân đạo nhân (次韻贈水雲道人) Họa vận tặng Thủy Vân đạo nhân.

Xuân đán (春旦) Sáng mùa xuân.

Miết trì (鰲池) Ao Miết.

Giang đình tác (江亭作) Làm thơ ở đình bên sông.

Sơ hạ (初夏) Đầu mùa hè.

Vọng Thái Lăng (望泰陵) Nhìn về Thái Lăng.

Sự nghiệp

Khi ông mất, vua Nghệ Tông đặt tên thụy là Văn Trinh, truy tặng tước Công (tước lớn nhất trong năm tước mà người ngoài hoàng tộc có thể được phong), ban hiệu là Khang Tiết tiên sinh và được đem vào thờ trong văn miếu. Ngô Thế Vinh trong bài văn bia ở đền Phương Sơn đã giải thích: *Văn, đức chi biểu dã. Trinh, đức chi chính cố dã* (vì văn là cái vẻ đẹp bên ngoài của đức. Trinh là sự bền vững bên trong của đức, nghĩa là cả ngoại mạo và tâm hồn ông đều đạo đức và kiên định).

Trường ông lại đào tạo nhiều danh thần như Phạm Sư Mạnh (范師孟), Lê [Bá] Quát (黎伯括) giữ đến chức Hành khiển (người đứng đầu một đạo, ngang Tổng đốc sau này) mà đến thăm thầy vẫn chấp tay đứng hầu. Tổng hợp một số chi tiết liên quan đến Chu An, người ta tin rằng ông đặt nặng vấn đề cương thường, luật pháp và có thể coi như một tư tưởng gia, cũng là một hành chánh gia lỗi lạc. Chính vì thế mà ông được vua Trần Minh Tông triệu vào cung làm tư nghiệp Quốc tử giám (國子監司業) lại kiêm việc dạy Thái tử. Tư nghiệp Quốc tử giám là hiệu trưởng trường dạy người ra làm quan (tương đương với Viện trưởng Học viện QGHC sau này). Trần Nguyên Đán (陳元旦)⁽⁴⁾ có thơ mừng ông như sau:

賀樵隱先生拜國子監司業⁽⁵⁾

學海迴瀾俗再醇，
上庠山斗得斯人。
窮經博史工夫大，
敬老崇儒政化新。
布韞芒鞋歸漢日，
蒼顏白髮浴沂春。
花動只是垂衣治，
爭得巢由作內臣。

Dịch âm:

Hạ Tiểu Ân tiên sinh bá Quốc tử giám tư nghiệp

*Học hải hồi lan tục tái thuần,
Thượng trường Sơn Đẩu đắc tư nhân.*

Cùng kinh bác sử công phu đại,

Kính lão sùng nho chính hoá tân.

Bố miệt mang hài quy hán nhật,

Thương nhan bạch phát dục Nghi xuân.

*Hoa Huân chỉ thị thuy y trị,
Tranh đắc Sào Do tác nội thân⁽⁶⁾.*

Dịch nghĩa:

Mừng Tiểu Ân tiên sinh nhận chức tư nghiệp Quốc tử giám

Xoay lại sóng biển học để phong tục thuần hậu

Nhà trường nay được bậc Thái Sơn, Bắc Đẩu đến dạy học

Kinh sử đều học rộng, công phu thật lớn thay

Kính đạo Lão, sùng đạo Nho nên chính sự nay đổi mới

Ngày ông mặc vợ vải, giày cỏ về làm dân thường

Người trẻ cùng tắm sông Nghi mùa xuân với người già

Vua Nghiêu, vua Thuấn chỉ thông tay mà trị nước

Bởi vì có ông Sào, ông Do là bầy tôi.

Sự nghiệp của ông sau này được nhắc đến nhiều qua bài *Thất trảm sớ* (七斬疏) tức lời tâu xin chém bảy tên nịnh thần năm Canh Tuất (1370) đời Trần Dụ Tông. Tính theo niên biểu, ông làm quan một thời gian rất dài, từ đời Minh Tông (1314-1329), qua đời Hiến Tông (1329-1341) tới đời Dụ Tông (1341-1369). Sau khi Minh Tông thượng hoàng mất (1357), Dụ Tông nắm quyền, dùng nhiều kẻ gian, ông can ngăn không được mới “treo mũ ở cửa Huyền Vũ”, từ quan về ở ẩn núi Phượng Hoàng 鳳凰, làng Kiệt Đặc 傑特, huyện Chí Linh 至靈 (Hải Dương)⁽⁷⁾.

Khi ông về ở ẩn, người đương thời rất tiếc, cố khuyên can ông ở lại nhưng ông không nghe. Bạng Hồ tướng công Trần Nguyên Đán có thơ tặng ông:

贈朱樵隱⁽⁸⁾

黜冕桓圭心已灰，
風霜安敢閉寒梅。
白雲高疊山扉掩，
紫陌多歧我馬隤。
蕙帳勿驚孤鶴怨，
蒲輪好爲下民迴。
昌期社稷天方作，

肯使先生老碧隈。

Dịch âm:

Tặng Chu Tiểu Ân

Phủ miện hoàn khuê tâm dĩ hời,

Phong sương an cảm bế hàn mai.

Bạch vân cao điệp sơn phi yếm,

Tử mạch đa kỳ ngã mã đồi.

Huệ trưởng vật kinh cô hạc oán,

Bồ luân hảo vị hạ dân hời.

Xương kỳ xả tác thiên phương tác,

Khảng sử tiên sinh lão bích ôi⁽⁹⁾.

Dịch nghĩa:

Tặng Chu Tiểu Ân

Triều phục và ngọc hoàn khuê nay đã lòng nguội lạnh rồi

Gió sương không thể giam giữ cây mai lạnh

Mây trắng, lũy cao núi đóng lại

Đường tìm nhiều lối ngựa ta mỗi chân rời

Trong trường huệ không sợ chim hạc ở một mình oán giận

Bánh xe cỏ bỏ hãy vì dân mà quay lại

Xả tác thịnh trị trời sẽ giúp

Lê nào tiên sinh lại đi ở chỗ non xanh.

Vua Dụ Tông tên thật Trần Hạo, là con thứ mười vua Minh Tông, sinh năm Bính Tý (1336) lên ngôi lúc mới 5 tuổi (Tân Tỵ 1341). Mười sáu năm đầu vì có thượng hoàng Minh Tông quyết định mọi việc nên tình hình tạm ổn, nhưng từ khi thượng hoàng mất (1357), Dụ Tông ăn chơi xa xỉ, cơ nghiệp suy đốn rất mau. Có lần nhà vua lên ra ngoài thành chơi, đêm về bị kẻ cướp chặn lại lấy mất cả gươm lẫn ấn. Năm Kỷ Dậu (1369) nhà vua mất, ngôi nhà Trần về tay Dương Nhật Lễ. Nhật Lễ vốn là con của một người nhà trò (người làm nghề xướng ca) tên là Dương Khương. Vợ Dương Khương cũng là con hát, đang có thai thì bị Cung Túc Vương Trần Dục⁽¹⁰⁾ cướp về làm vợ. Đứa con đó là Nhật Lễ. Vì thế Nhật Lễ khi lên làm vua đổi lại



Đền thờ thầy giáo Chu Văn An nằm ở phường Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

họ Dương. Tôn thất nhà Trần hợp sức lật đổ Dương Nhật Lễ tôn con thứ vua Minh Tông là Cung Tinh Vương Trần Phủ lên làm vua tức vua Nghệ Tông.

Tuy đã về hưu, mỗi khi hội lớn Chu An vẫn vào kinh sư để lấy ý can ngăn nhà vua và răn đe lũ nịnh thần không cho làm điều quá đáng. Vua Dụ Tông muốn đem chính sự giao cho ông nhưng ông từ chối. Hiến từ hoàng thái hậu bảo:

- Người này không thể bắt làm tôi được, làm sao có thể sai bảo ông ta.

Vua lại ban cho mũ áo nhưng ông tạ ơn rồi lại đem cho người khác chứ không giữ. Chỉ đến khi Dụ Tông băng hà, ông nghe tin vua Nghệ Tông lên ngôi mới chống gậy vào bái yết rồi lại về quê. Nam Ông Mộng Lục chép rằng: "... Học trò ông khi đã ra làm quan rồi vẫn thường đến thăm thầy, tới đâu sụp lạy dưới sập ông ngồi, được cùng ông trò chuyện một vài câu rồi đi thì rất vui sướng. Những ai có điều không hay, ông đều gỡ máng nặng nề, thậm chí đuổi đi không cho vào. Ông thanh cao nghiêm chỉnh nổi tiếng một thời ai ai cũng biết..."⁽¹¹⁾.

Ngoài những đức tính khi làm quan, làm thầy, Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử ký toàn thư* tôn ông là tổ của Nho gia nước Việt và đặt ông hơn hẳn những danh nho khác như Trương Hán Siêu, Trần Nguyên Đán. Chúng ta thử

xem lời nhận định đó dựa trên căn bản nào?

Trước thế kỷ thứ XIV, nước ta tuy đã có tổ chức hành chính và cương vực rõ rệt nhưng về văn hóa có lẽ còn ở mức sơ khai. Mặc dù mình chịu ảnh hưởng của người Tàu sau hơn 1.000 năm đô hộ, có thi cử, có văn chương nhưng vẫn còn nhiều nét thuần phác. Xem những tác phẩm còn sót lại ngày nay, chỉ được một ít bài có giá trị. Hơn thế nữa, tuy giai đoạn tự chủ của chúng ta đã kéo dài vài trăm năm nhưng vẫn chinh chiến nhiều, hết nội loạn tới ngoại xâm. Đời Đinh, Lê chúng ta đã phải lo củng cố thực lực, sang đời Lý lại chinh chiến nhiều phen với Trung Hoa, với Chiêm Thành. Đến đời Trần, giai đoạn đầu, nhà Trần tuy có xây dựng được một số qui tắc trị nước và định chế giáo dục nhưng vẫn thiên về hình pháp, mang tính chất trấn áp và củng cố quyền lực hơn là văn hóa. Vừa ổn định được một chút, thì bốn lần giặc Nguyên sang chiếm nước ta, cả nước chuyển qua thế chiến tranh chống giữ. Thắng được địch đã là một kỳ công nên việc xây dựng một nền móng vững vàng về học thuật, chính trị, hành chính chưa kịp tiến hành.

Phải đến đời vua Anh Tông (1293-1314) nước ta mới tạm yên. Chính từ giai đoạn này, vai trò của Chu An nổi bật lên vì ông đã chuyển biến từ một tổ chức hành chính có tính chất bộ tộc lên tầm

vóc một quốc gia. Chuyển biến đó không nằm trong hình thức công quyền nhưng nằm trong một số định chế và quan niệm cơ bản.

Thứ nhất, từ đời Anh Tông, tầng lớp quan lại là thành phần có vai trò quyết định trong việc nắm giữ vận mệnh quốc gia đã chuyển từ giới quý tộc nhà Trần sang giới Nho sĩ. Theo sách vở, triều đình có những lương đồng như Đoàn Nhữ Hài, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn, Chu An đều không phải người trong tôn thất. Tuy vẫn có những tranh chấp trong giới thân tộc nhà Trần nhưng giới quan lại giữ được tư thế độc lập, không để bị lôi cuốn vào những phe đảng của hoàng gia. Giai đoạn này mặc dù các hoàng thân quốc thích vẫn còn giữ những thái ấp, điền trang rộng lớn nhưng chỉ là những phú gia chứ không còn vai trò quyết định quốc gia như thời kỳ đầu. Ngay cả binh quyền cũng đã giao cho nhiều người thuộc hàng dân dã. Chúng ta cũng đã thấy, triều Trần cũng như nhiều triều đại khác, giao phó việc quân sự cho một số người trong hoàng tộc, thường dân chỉ làm tì tướng, phó tướng. Đến giai đoạn này, quyền lực đó đã giảm dần.

Thứ hai, quốc gia tuy vẫn chú trọng việc quân sự nhưng đã chuyển hướng nỗ lực sang xây dựng những định chế hành chính, giáo dục, kinh tế và xã hội. Luật lệ được qui định rõ

ràng, thay thế tinh chất điền ấp nông nô. Tổ chức hành chính được thành lập, có hệ thống quan chế, văn võ. Khoa thi Thái học sinh được mở ra từ năm 1323, lại cấm thói vẽ mình của quân lính. Chu An cũng cải tổ lại việc thi cử và khuyến khích việc dùng quốc âm. Chính ông cũng làm thơ bằng chữ Nôm. Tuy không rõ đời này thi cử gồm những môn gì nhưng thuở ấy nước ta không chỉ theo lối từ chương mà cũng có những học thuật mới, chẳng hạn như Trần Nguyên Đán đã soạn được bộ *Bách thế thông khảo* nghiên cứu về thiên văn, lịch pháp. Đời Hồ lại có toán pháp trong kỳ thi đủ biết ông cha ta cũng chuộng thực dụng. Những cải cách về quân sự, những phát kiến về chiến thuyền, súng thần công vài mươi năm sau cho thấy thời đó trình độ khoa học của nước ta khá cao, nhiều điểm trội hơn cả Trung Hoa. Có lẽ vì thế mà khi lấy được nước ta, nhà Minh bắt hết nhân tài, thợ khéo đem về nước⁽¹²⁾. Việc cải cách thi cử cho ta thấy quốc gia đã chuyển từ việc sử dụng người thân thích trong hoàng tộc sang việc dựa trên thực tài để tuyển dụng quan lại trị nước.

Thứ ba, từ một xã hội với tinh thần đa giáo – Nho Thích Lão – Chu An và những bạn đồng liêu đã đẩy lùi hai tôn giáo lớn là Phật và Lão xuống quần chúng và nâng Nho giáo lên thành một thứ khuôn mẫu chính trị. Không phải ngẫu nhiên mà Văn Trinh Công đã trước tác *Tứ thư thuyết ước* và rất có thể đây là một trong những diễn dịch, bình luận và giải thích đạo Nho sớm nhất của Việt Nam. Tuy hiện nay chúng ta không còn tài liệu nào về tác phẩm này nhưng có lẽ Chu An có quan điểm riêng chứ không sao chép lại quan điểm của Tống Nho, Hán Nho. Chuyển biến từ một học thuật sang một định chế chính trị, Chu An đã khởi đầu một thời kỳ mới trong đó Nho giáo trở thành chương trình học đường chính thức và *Tứ thư* là sách giáo khoa cho bất cứ sĩ tử nào muốn đi

thi. Khuôn mẫu chính trị của ông nằm trong tám chữ cùng lý, chính tâm, tịch tà, cự bỉ (窮理, 正心, 闢邪, 距詖). Cùng lý là hiểu phải cho đến nơi đến chốn, chính tâm là giữ lòng cho ngay thẳng, tịch tà là trừ bỏ thói hư, tật xấu, chống lại tà thuyết, và cự bỉ là ngăn ngừa cái dỡ. Bốn điều đó cho thấy ông chú trọng hai điều tích cực (phải theo) và hai điều tiêu cực (phải chống). Mặc dù không ai biết chắc tịch tà, cự bỉ được hiểu theo nghĩa nào nhưng thời đó đạo Phật, đạo Lão suy vi, nhiều tăng lữ pháp sư thích chuyện huyền hoặc, mê tín nên một số danh nho đã lên tiếng đả kích. Có lẽ Chu An cũng muốn nhấn mạnh vào việc bài xích dị đoan. Điều đáng nói là ông không chống lại Phật Lão để nâng Nho giáo lên hàng độc tôn, nhưng rõ ràng chú trọng về xây dựng một xã hội trọng cương thường, pháp trị theo khuôn mẫu Khổng Mạnh. Thành thử, đời sống ông vẫn không câu nệ mà lại tiêu dao tự tại. Biệt hiệu Tiểu Ẩn mô tả cái phong vị nhàn nhã và là một hình ảnh khoáng đạt rất Lão Trang. Hai câu của ông nói lên điều đó:

身與孤雲長戀岫，
心同古井不生瀾⁽¹³⁾。

Thân dữ cô vân trường luyến tụ,

Tâm đồng cổ tỉnh bất sinh lan.
Dịch nghĩa:

Người với chòm mây đơn lẻ vẫn nhớ tới núi xanh

Lòng cũng giống như giếng cổ nước không còn sóng nữa

Tạm dịch thơ:

Lòng như giếng cũ đâu còn sóng,

Thân với mây chiều vẫn nhớ non.

Chỉ mười sáu chữ mà ta thấy cái tình lãng, hư không chan chứa trong đời sống, nói lên một sự tiêu biểu của tam giáo hòa đồng, khi trẻ thì mòn gót lông trán để giúp đời nhưng khi già thì quay lại làm bạn với mây ngàn hạc nội.

Thứ tư, Chu An và thế hệ của ông cũng san định lại phong hóa, lễ nghi cho xã hội Việt Nam. Trước đây, dân tộc Việt có lẽ chưa

có những quy phạm rõ rệt và sinh hoạt còn nhiều chất bản năng. Điển hình là nhà Trần có thói anh em, họ hàng lấy lẫn nhau. Rất có thể tục lệ này thời đó phổ thông ở nhiều nơi trên đất nước chúng ta nên khi đưa vào triều đình không ai phản đối. Từ thời Chu An, ngoài cải tổ hành chính, ông cũng quy luật hóa các phong tục xã hội, tạo nên một bản sắc riêng cho một quốc gia mà người Trung Hoa phải gọi là “văn hiến chi bang”⁽¹⁴⁾. Người trong cùng họ không được kiện cáo lẫn nhau để nâng cao tinh thần gia tộc và liên đới trách nhiệm. Tuy đây chỉ là một điểm nhỏ trong cơ chế luật lệ thời bấy giờ, chúng ta có thể nghĩ rằng Chu An muốn chấn chỉnh lại phong hóa ngõ hầu củng cố cái gốc của nước là lòng dân hầu bảo tồn thực lực khi có ngoại xâm. Tiếc rằng vua Dụ Tông quá hèn kém, lại ham chơi nên Văn Trinh Công đành bất lực không cứu vãn được cơ nghiệp nhà Trần.

Từ những ưu điểm đó, tuy về sau nước ta bị nhà Minh xâm chiếm nhưng chỉ một thời gian ngắn lại giành được độc lập và đời Lê là một trong những giai đoạn thịnh trị nhất trong lịch sử. Có thể nói một số thành quả của triều Lê chính là ảnh hưởng nối dài của giai đoạn cuối đời Trần mà Chu An là người khởi xướng.

Nói tóm lại, Chu An là một nhân vật hành chính có công cải cách đã đành, nhưng đứng trên phương diện văn hóa, ông cũng đã có ảnh hưởng rất quan trọng. Ông là gạch nối giữa một thời đại mà dân tộc chúng ta tuy đã lừng lẫy về võ công nhưng văn minh lại chưa phát triển lắm để chuyển sang một thời kỳ xây dựng bản sắc dân tộc riêng ở một góc trời. Tuy sự nghiệp của ông không hoàn thành trọn vẹn, phần vì vua chúa hôn ám, phần vì vận nước ngã nghiêng, hết giặc Chiêm Thành lại đến giặc Minh tàn phá toàn bộ di sản tinh thần mà thời đại của ông đã gây dựng nhưng vẫn đánh dấu một bước ngoặt lớn trong lịch sử. Một điều đáng

tiếc là ngoài một vài lời bình của sử thần về ông, chúng ta không biết chắc quan điểm của ông như thế nào. Nhiều học giả sau này đã phàn nàn là chủ trương thâm độc của nhà Minh đã hủy diệt toàn bộ kho tàng văn hóa của dân tộc Việt Nam mà triều Trần đã lên đến cao điểm cả về binh bị lẫn học thuật. Sau thời Minh thuộc, tuy triều Lê có thừa hưởng cái phong thái văn minh của nhà Trần nhưng rồi lại rơi vào cái học hư văn, khiến Nho học trở thành một con đường tiến thân chật hẹp mà nhân tài không thoát ra được. Lê Quý Đôn đã phải than là “Sau khi khôi phục, sĩ phu ít ỏi, đến đời Hồng Đức thì khoa mục nặng hư văn, từ đời Đoan Khánh thì suy bại quá lắm”⁽¹⁵⁾. Chúng ta hãy đọc lại nguyên văn lời của Ngô Sĩ Liên để thấy rõ vị trí của Chu An:

吳氏曰

我越儒者見用於時不為不多。未有志道德以致澤為念者也。如蘇憲誠之於李，朱文貞之於陳始庶幾焉然。憲誠遇君者也，所以功業見於當時。文貞不遇者也，所以正學見於後世。

以文貞言，其事君也必犯顏，其出處也則以義，造就人才則公卿多出於其門，高尚風節則天子不得而臣。况巖巖體貌而師道嚴，稜稜聲氣而佞人讐，千載下聞其風能無廉頑立懦者乎宜乎為我越儒宗而從祀文廟也。

他如元旦同姓之卿，雖含忠憤之氣而付國勢於無奈全家屬於顛沛，漢超文學之臣，雖有骨鯁之直而交歡於不當交（友善於中官之輩）嫁女於不當嫁（於文貞乎何有）。

Dịch nghĩa

Họ Ngô bàn rằng

Nước Việt ta những Nho sĩ gặp thời được dùng không phải không nhiều nhưng không có chí về đạo đức để mang trong lòng ý niệm ban ân trạch cho dân. Đời Lý có Tô Hiến Thành, đời Trần có Chu Văn Trinh ấy là những người được như thế. Hiến Thành thì gặp được vua nên đương thời người ta đã thấy được công nghiệp, Văn Trinh thì không gặp được vua, nên phải hậu thế mới biết đến chính học của ông.

Cứ như Văn Trinh mà luận, phạm việc thờ vua ắt phải nghiêm trang, đối đãi xuất xử ắt lấy điều nghĩa, vun đắp nhân tài nên công khanh hầu hết từ cửa ông mà ra, cao thượng phong tiết khiến thiên tử cũng không dám coi như tôi tớ. Huống chi dáng lẫm liệt mà dạy học trò nghiêm, tiếng vang vang nên nịnh thần sợ, nghìn sau nghe tiếng mà kẻ ương bướng không sợ hay sao? Không phải là tổ tông của Việt Nho ta đáng được đưa vào thờ tự ở văn miếu hay sao?

Còn người khác như Nguyên Đán vốn là công khanh cùng họ [nhà vua], tuy có bụng công phần nhưng mặc đất nước để gia thuộc mình khỏi lênh đênh, còn Hán Siêu là bầy tôi văn học, tuy cứng cỏi chính trực nhưng lại giao thiệp với kẻ không đáng giao thiệp (giao du thân mật với bọn hoạn quan), gả con gái cho người không đáng gả (sao sánh được với Văn Trinh)⁽¹⁶⁾.

Một sử thần vốn nổi tiếng là kỹ lưỡng, kén chọn từng chữ, từng lời đã dành bấy nhiêu câu khen ngợi đủ thấy Chu An được kính trọng đến thế nào.

Lê Tung trong *Việt giám thông khảo tổng luận* thì hạ bút ca tụng bài *Thất trăm số* là “Thất trăm chỉ số, nghĩa động càn khôn” (bài số xin chém bảy tên nịnh thần, nghĩa khí động tới trời đất)

Tính khí của ông lẫm liệt đã đành, văn chương của ông cũng hết sức cao tiết. Phan Huy Chú phê bình *Tiêu Ẩn thi tập* là “Thơ hết sức trong sáng, u dật, nhàn nhã tự tại, khiến người đọc tưởng như thấy được cái thú cao của việc ở ẩn như thế nào”⁽¹⁷⁾. Họ Phan cũng ca ngợi ông là “học nghiệp thuần túy, tiết tháo cao thượng, làng Nho nước Việt ta trước sau chỉ có mình ông, các ông khác không thể so sánh được”.

Để kết luận, chúng tôi xin mượn bốn câu thơ của vua Dục Tôn (Tự Đức) trong *Việt sử tổng vịnh* viết về ông như sau:

上庠山斗世間師，
心與人乖一去遲。
七斬疏成天地鑿，

直聲不共有陳衰⁽¹⁸⁾。

Thượng tường Sơn Đẩu thế gian sư,

Tâm dũ nhân quai nhất khứ tri.

Thất trăm số thành thiên địa giám,

Trực thanh bất cộng hữu Trần suy.

Dịch nghĩa:

Là bậc Thái Sơn, Bắc Đẩu của thế gian nơi trường học

Lòng ông khiến cho những kẻ không ngay thẳng phải chùn bước

Thất trăm số có trời đất chứng giám cho

Lời nói thẳng không cùng chung với sự suy vi của nhà Trần

Phỏng dịch thơ:

Gian tà đâu để tung hoành,

Khí cao vằng vặc lưu danh sáng ngời.

Sớ dăng chứng với đất trời,

Không đàng tâm sống cảnh đời suy vi.

Tương truyền khi ông mở trường dạy học, rất đông học trò tìm đến thụ nghiệp. Trong số học trò có một thanh niên, mặt mũi sáng sủa hôm nào cũng đến thật sớm. Ông khen là chăm chỉ nhưng hỏi thì ngập ngừng không nói quê quán ở đâu. Ông cho người đi theo thấy người đó đi đến đầm Đại (nằm giữa các làng Đại Từ, Tứ Kỳ, Huỳnh Cung) thì biến mất nên ngờ là thủy thần.

Năm đó, trời đại hạn, nắng đã lâu mà không mưa, dân chúng khổ sở lắm. Một hôm, sau khi giảng bài xong, ông lên tiếng hỏi học trò ai là người có tài làm mưa giúp dân. Người học trò ấy ngần ngừ nhưng sau cũng bước ra thưa rằng:

- Việc mưa nắng là việc của Thiên đình, con vâng lời thầy là nghịch lại thượng giới, nhưng cũng xin thử sức. Nếu có chuyện gì không hay xin thầy chu toàn cho.

Nói rồi, ra đứng giữa sân, lấy nghiên mài mực, ngựa mặt lên khán, lấy bút thấm mực vãi ra bốn phương. Lúc hết mực tung bút và nghiên lên trời. Lập tức, mây đen kéo đến, sấm chớp ầm ầm, trời đổ một trận mưa thật lớn.

Người học trò đội mưa đi về, ra đến cửa thì biển mất.

Sáng hôm sau, không thấy y trở lại học, Chu An cho người đến thăm Đại tìm thì thấy một con thủng luồng thật to chét nổi trên mặt nước. Ông thương xót, sai học trò vớt xác mang về mai táng tử tế. Dân làng thấy vậy lập đền thờ, nay vẫn còn.

Chỗ nghiên mực ném lên rơi xuống nay thành đầm nước lúc nào cũng đen, gọi là đầm Mực. Quần bút rơi xuống làng Tả Thanh Oai, sau này là một làng văn học nổi tiếng (quê hương Ngô Thời Sĩ, Ngô Thời Nhiệm triều Lê). Trong đền thờ còn một đôi câu đối ghi lại sự tích này:

Mặc nghiên khởi tường vân, nhất bút lực hồi thiên tự thuận,

Chu đình lưu hóa vũ, thiên trụ vọng thiếp địa phồn khô.

(Mây lành từ nghiên mực bay lên, một ngọn bút ra công trời thuận theo lẽ phải, Mưa tốt giữa sân son đỏ xuống, nghìn cánh đồng dội nước, đất đang khô cũng trở mùa).

Chu đình là sân son mà cũng là trường học họ Chu. Không biết trong những người từ ngưỡng cửa Chu Văn An mà ra, ai đã theo gương tiền nhân mà làm được mây lành, mưa ngọt cho đất nước. ■

CHÚ THÍCH:

1. Ông chính tên Chu An, sau khi chết được truy tặng tên thụy Văn Trinh (文貞), tước Công nên đời sau hay gọi là Chu Văn An (朱文安).

2. *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* (đệ Lục sách) Đài Loan học sinh thư cục, 1987 (*Nam Ông mộng lục, Nam thiên trung nghĩa thực lục, Nhân vật chí*) tr.16. Tác giả Hồ Nguyên Trừng 胡元澄 (tức Lê Trừng 1374-1446) tự Mạnh Nguyên, hiệu Nam Ông. Ông là con Hồ Quý Ly, bị quân Minh bắt đưa về Kim Lăng, soạn sách này (1433) khi ở Trung Hoa.

3. Viện Văn học (Hà Nội), *Thơ văn Lý Trần* (tập III), Hà Nội, KHXH, 1978, tr.53-66.

4. (1325-1390) người làng Tức Mặc, lộ Thiên Trường, cháu tăng tôn thượng tướng Trần Quang Khải và là ông ngoại của Quan Phục hầu Nguyễn Trãi.

5. Viện Hán Nôm Hà Nội, (Ngự chế) *Việt sử tổng vịnh* (1874) 御製越史總詠集... [內閣朝阮] (NLVNPF-0370-01), quyển IV, tr.8-9.

6. Tiểu Ấn: tức Chu An; Sơn Đâu: Thái Sơn và Bắc Đẩu: tượng trưng cho người đứng đầu trong một ngành; Nghi: sông Nghi, quê hương Khổng Tử; Hoa Huân: tên vua Thuần, vua Nghiêu; Sào Do: Sào Phủ, Hứa Do: danh sĩ đời Nghiêu Thuần.

7. 後裕尊急于政事,羣臣多不法。[朱]安陳不聽。乃上疏乞斬佞臣七人。皆權幸者。人謂之七斬疏。疏入不報。乃掛冠歸田。 Sau Dụ Tôn biếng nhác việc triều chính, quần thần nhiều người không coi pháp luật ra gì. [Chu] An bày tỏ mà vua không nghe, vì thế mới dâng sớ xin chém bảy người nịnh thần, đều là những người quyền thế được vua tin dùng cả. Người đời gọi là *Thất trảm sớ*. Sớ đưa vào, vua không trả lời, ông treo mũ về quê. *Việt sử tổng vịnh* (1874) quyển IV, tr.8.

8. Viện Văn học (Hà Nội), *Thơ văn Lý Trần* (tập III), Hà Nội, KHXH, 1978, tr.163.

9. Hoàn khuê: ngọc của chư hầu và đại quan cầm trên tay khi vào hầu vua; bồ luân: xua vua lấy cỏ bồ quân vào bánh xe cho êm, dùng để đôn người hiền tài.

10. Cung Túc Vương Dục là anh vua Dụ Tông, đáng lẽ phải được kế nghiệp vua Hiến Tông nhưng Minh Tông lại lập con út. Khi Dụ Tông mất, bà Hiến Từ lập Nhật Lễ lấy cớ là Nhật Lễ cũng là con của Cung Túc Vương, cha không được làm vua thì con phải được làm vua. Sau Nhật Lễ đánh thuốc độc giết Hiến Từ.

11. 昔安弟子爲執政者,時來問候,拜床下,得與談話片言而去者,甚以爲喜。有不善者,切責唾罵,甚至呵叱不納。其清直嚴正,名聞一時... *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* (đệ Lục sách) (1987), tr.17 (NDC dịch).

12. Số người bị nhà Minh bắt đưa về Trung Hoa rất đông, trong đó có một số nhân vật rất nổi tiếng, đóng

góp lớn vào sự phát triển của Trung Hoa như Lê Trừng (Hồ Nguyên), người nổi tiếng về chế tạo súng thần công, Nguyễn An, viên kỹ sư trưởng xây dựng thành Bắc Kinh... Xem Trương Tú Dân (張秀民). *Trung Việt quan hệ sử luận văn tập* (中越關係史論文集). Đài Bắc: Văn Sử Triết, 1992.

13. Xuân đán 春旦, hai câu 5-6 (*Thơ văn Lý-Trần* III, 1978) tr.61.

14. Đời Dụ Tông, năm 1368 Doãn Thuần Thuần sang sứ nhà Minh được vua Minh khen là giữ được văn minh Trung Nguyên, hơn các dân tộc khác thay đổi theo nhà Nguyên (An Nam tế hữu Trần, Phong tục bất Nguyên nhân. Y quan Chu chế độ, Lễ nhạc Tống quân thần). Xem Phạm Cao Dương, *Siêu quốc gia Việt Nam tại hải ngoại và Hiểm họa Bắc phương* (tuyển tập) USA: Truyền Thống Việt, 2019 tr.297.

15. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương* (Hà Nội: Quan Hải Tùng Thư, 1938) tr.237-238.

16. *Thi cực thanh sáng u dật, nhân nhả tự tại, khả tường kiến ẩn cư nhi cao thú dã* (Phan Huy Chú)

17. *Việt sử tổng vịnh* (1874), quyển IV, tr.9 (NDC dịch).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Kim Ngọc, *Chu Văn An (1292-1370) Nhà sư phạm mẫu mực cuối đời Trần* (tr.165-166), Ban Văn Hóa Văn Nghệ Trung ương, Văn Hóa Việt Nam, Tổng Hợp, 1989-199,5 Hà Nội 1989.

2. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Quan Hải Tùng Thư, Hà Nội 1938.

3. Dương Thị The (tổ chức công trình), *Đại Việt sử ký tiền biên*, Gia Lai, Nxb. Hồng Bàng, 2012.

4. Dương Thị The (tổ chức công trình), *Đại Việt sử ký tiền biên*, Hà Nội, Nxb. Khoa học Xã hội, 1997.

5. Hoàng Văn Lâu (dịch), Hà Văn Tấn (hiệu đính), *Đại Việt sử ký toàn thư*, 4 tập. Hà Nội: Khoa học Xã hội, 1998. Bản in Nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697).

6. Hội Ái hữu Bưởi – CVA Nam (*Xem tiếp trang 45*)